

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2021/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư
xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 432/TTr-SXD ngày 15 tháng 6 năm 2021; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 107/BC-STP ngày 11 tháng 6 năm 2021 và ý kiến thống nhất của các Ủy viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2021 và thay thế Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm

2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Quy định về một số nhiệm vụ quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh.

2. Bãi bỏ Công văn số 583/UBND-CNXD ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các nội dung khác có liên quan đã được UBND tỉnh ban hành trước thời điểm có hiệu lực thi hành Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Đặng Văn Minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; kế hoạch lựa chọn nhà thầu; bồi thường, giải phóng mặt bằng; quản lý tiến độ và chất lượng công trình; thanh toán vốn đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành; xử lý vi phạm trong quản lý dự án đầu tư xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, các dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Việc quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện theo đúng các quy định hiện hành và Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng của các dự án sử dụng vốn đầu tư công, các dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Chương II

QUẢN LÝ DỰ ÁN

Mục 1

QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÔNG CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG

Điều 3. Thẩm quyền thẩm định, quyết định đầu tư dự án

1. Dự án do UBND tỉnh quản lý

a) Đối với dự án nhóm A: Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định (do một Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định) thẩm định dự án, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

b) Đối với dự án nhóm B, C: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định dự án, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Dự án do UBND cấp huyện quản lý

Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định dự án, trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt.

3. Dự án do UBND cấp xã quản lý

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định dự án, Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt.

Điều 4. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán dự án

1. Đối với dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do UBND tỉnh quản lý: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định.

2. Đối với dự án do UBND cấp huyện quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện chủ trì thẩm định.

3. Đối với dự án do UBND cấp xã quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì thẩm định.

Mục 2

QUẢN LÝ DỰ ÁN CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG

Điều 5. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

1. Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư của cấp thẩm quyền theo quy định, chủ đầu tư tiến hành

a) Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

b) Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án đối với các dự án quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đầu tư công làm cơ sở tổng hợp, phê duyệt dự án.

2. Nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự án được chủ đầu tư lựa chọn, có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước đúng quy định, bàn giao hồ sơ đúng thời gian theo hợp đồng kinh tế đã ký kết với chủ đầu tư.

3. Đối với dự án có bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư thì trong thành phần hồ sơ dự án phải có phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư tổng thể được chủ đầu tư xác nhận.

4. Đối với các dự án sửa chữa, cải tạo

a) Các dự án có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, chủ đầu tư không phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, nhưng phải hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định hiện hành để được phân bổ dự toán; các dự án có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên, chủ đầu tư phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định.

b) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc dự án đầu tư xây dựng phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành và Quy định này.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng

1. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công: Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020.

2. Đối với các dự án sửa chữa, cải tạo sử dụng vốn chi thường xuyên: Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư xây dựng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.

Điều 7. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư

1. Các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư: Giao các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 4 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương) chủ trì thẩm định, tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án.

Đối với dự án có công năng phục vụ hỗn hợp, cơ quan chủ trì thẩm định là Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm thẩm định công trình có công năng phục vụ của công trình chính thuộc dự án hoặc công trình chính có cấp cao nhất trong trường hợp dự án có nhiều công trình chính.

2. Các dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư: Phòng có chức năng quản lý về xây dựng cấp huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng nông thôn (huyện Lý Sơn), Phòng Quản lý đô thị (thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ) chủ trì thẩm định, tổng hợp, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

3. Các dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND cấp xã giao tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án thực hiện thẩm định, trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

Điều 8. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý.

2. Đối với dự án có công năng phục vụ hỗn hợp, cơ quan chủ trì thẩm định chịu trách nhiệm gửi hồ sơ thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng) đến các cơ quan liên quan để thẩm định hoặc có ý kiến theo cơ chế một cửa liên thông.

3. Phần thiết kế công nghệ, công nghệ thông tin, điện tử (nếu có), cơ quan chủ trì thẩm định gửi hồ sơ thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng) phần công nghệ, công nghệ thông tin, điện tử đến các Sở chuyên ngành (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền Thông) để thẩm định.

Điều 9. Thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, trừ các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản này.

Đối với dự án có công năng phục vụ hỗn hợp, cơ quan chủ trì thẩm định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này có trách nhiệm gửi hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đến các cơ quan có liên quan để thẩm định hoặc có ý kiến theo cơ chế một cửa liên thông.

b) Các dự án nhóm C quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giao cho UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm C theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019 (sau đây gọi là Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND) do Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi được ủy quyền quyết định đầu tư: Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

c) Các dự án nhóm C quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND do Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ quyết định đầu tư hoặc được ủy quyền quyết định đầu tư: Phòng Quản lý đô thị thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

d) Phần thiết kế công nghệ, công nghệ thông tin, điện tử (nếu có), cơ quan chủ trì thẩm định gửi hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở phần công nghệ, công nghệ thông tin, điện tử đến các Sở chuyên ngành (Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền Thông) để thẩm định.

đ) Nội dung thẩm định, hồ sơ trình thẩm định, quy trình thẩm định: thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chủ đầu tư tổng hợp, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định hiện hành.

Điều 10. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án chỉ được phê duyệt khi dự án được bố trí vốn thực hiện đầu tư.

2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 11. Tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải bảo đảm có mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng do chủ đầu tư xây dựng công trình và nhà thầu thi công xây dựng thỏa thuận.

2. Chủ đầu tư, chính quyền địa phương, đơn vị thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện và tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật và Quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng của tỉnh.

3. Trong thời gian xây dựng công trình, chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi và kịp thời báo cáo các trường hợp xây dựng trái phép trên phần đất thực hiện dự án đã tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng cho chính quyền địa phương. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm xử lý theo quy định.

Điều 12. Quản lý tiến độ và chất lượng công trình xây dựng

1. Việc quản lý tiến độ công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành.

Trường hợp đẩy nhanh tiến độ xây dựng đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án thì nhà thầu xây dựng được xét thưởng theo hợp đồng. Trường hợp kéo dài tiến độ xây dựng gây thiệt hại thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại và bị phạt vi phạm hợp đồng.

2. Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 13. Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư xây dựng

1. Tạm ứng vốn đầu tư xây dựng

a) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tính toán mức tạm ứng hợp lý nhưng không vượt quá mức tạm ứng tối đa theo quy định hiện hành, quản lý sử dụng tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và chịu trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

b) Việc tạm ứng cho khối lượng xây dựng khi nhà thầu thực hiện theo quy định hiện hành và sau khi đã hoàn thành xong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc ít nhất phải đủ diện tích xây dựng của công trình, hạng mục công trình; Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc thực hiện bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo quy định.

c) Tạm ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện theo tiến độ trong kế hoạch bồi thường, giải phóng mặt bằng.

d) Thu hồi vốn tạm ứng thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Thanh toán vốn đầu tư xây dựng

a) Việc thanh toán vốn đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm triển khai và đơn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện đúng tiến độ của hợp đồng đã ký kết và tổ chức nghiệm thu khối lượng theo từng giai đoạn hoàn thành, đồng thời gửi hồ sơ đến cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn để thanh toán, bảo đảm giải ngân hết kế hoạch vốn được giao hằng năm.

Điều 14. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán

a) Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư.

Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.

Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì thẩm tra quyết toán.

c) Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt quyết toán đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư.

Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành

a) Đối với dự án nhóm A, chủ đầu tư đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán.

b) Đối với các dự án nhóm B, tùy theo tính chất của dự án, điều kiện thực tế, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán trình người quyết định đầu tư hoặc người được phân cấp quyết định đầu tư xem xét, quyết định việc lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

c) Đối với các dự án nhóm C, tùy theo tính chất của dự án, điều kiện thực tế, giao cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán xem xét, yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

Những dự án đã được cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra và phát hành báo cáo kiểm toán, kết luận thanh tra đảm bảo đủ nội dung quy định thì không phải thực hiện kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 15. Trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với chủ đầu tư; xử lý vi phạm đối với nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn xây dựng công trình và tổ chức làm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với chủ đầu tư

a) Giải ngân không hết vốn của kế hoạch vốn năm được giao hoặc để nợ đọng trong xây dựng công trình mà lỗi thuộc về chủ đầu tư; không thực hiện nghiêm túc việc thanh toán hoặc thu hồi các khoản đã tạm ứng quá thời hạn; vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán; triển khai thực hiện dự án khi chưa đảm bảo điều kiện về mặt bằng xây dựng thì tùy theo mức độ mà UBND tỉnh sẽ xem xét, xử lý.

b) Chịu trách nhiệm bồi thường phần giá trị lãng phí, thất thoát do lỗi của mình gây nên.

c) Đối với cán bộ quản lý dự án trực tiếp, nếu có dự án tồn đọng chưa quyết toán vượt quá thời gian quy định mà không phải do nguyên nhân khách quan, thì phải kiểm điểm, đồng thời không được phân công quản lý dự án mới cho đến khi hoàn thành việc quyết toán dự án hoàn thành.

d) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về thực hiện chế độ báo cáo chậm trễ, không cung cấp kịp thời thông tin các vi phạm liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng do đơn vị mình làm chủ đầu tư, để đăng tải trên Báo Đầu thầu, Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng, Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi.

2. Việc xử lý vi phạm của nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn xây dựng công trình thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Đối với tổ chức làm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chậm trễ bàn giao mặt bằng cho chủ dự án theo hợp đồng đã được ký kết, ngoài phạt vi phạm theo hợp đồng, phải thông báo cho cơ quan chủ quản biết để nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm của người đứng đầu và có hình thức xử lý theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Quy định chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực

hiện thì không phải làm thủ tục phê duyệt lại dự án, các công việc tiếp theo được thực hiện theo quy định hiện hành và Quy định này.

2. Các dự án đầu tư xây dựng chưa được phê duyệt thì thực hiện theo quy định hiện hành và Quy định này.

Điều 17. Công tác báo cáo

1. Các Sở, Ban ngành tỉnh; UBND cấp huyện và các chủ đầu tư thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm theo quy định.

2. Các đơn vị được giao thẩm định thực hiện chế độ báo cáo quý, 6 tháng, năm gửi UBND tỉnh; đồng thời gửi Sở Xây dựng về kết quả thực hiện công tác thẩm định để tổng hợp, báo cáo.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra chặt chẽ các đơn vị trực thuộc, các chủ đầu tư để tổ chức triển khai thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng đạt hiệu quả.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp thì các Sở, ngành, cơ quan, địa phương kiến nghị với UBND tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để kịp thời sửa đổi, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Đặng Văn Minh